



**VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN**

**BẢN TIN TUẦN**

**Bản tin kỳ 11 đợt đo ngày 01/5/2022  
dự báo đến ngày 08/5/2022**

**Nhiệm vụ:**

**Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ  
thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên,  
phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2022**

**Tp. Hồ Chí Minh, tháng 05-2022**

**Địa chỉ: 658 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: 84.8.38362821 - Fax: 84.8.39245269  
Website: [www.icoe.org.vn](http://www.icoe.org.vn)**

**ISO 9001:2015**

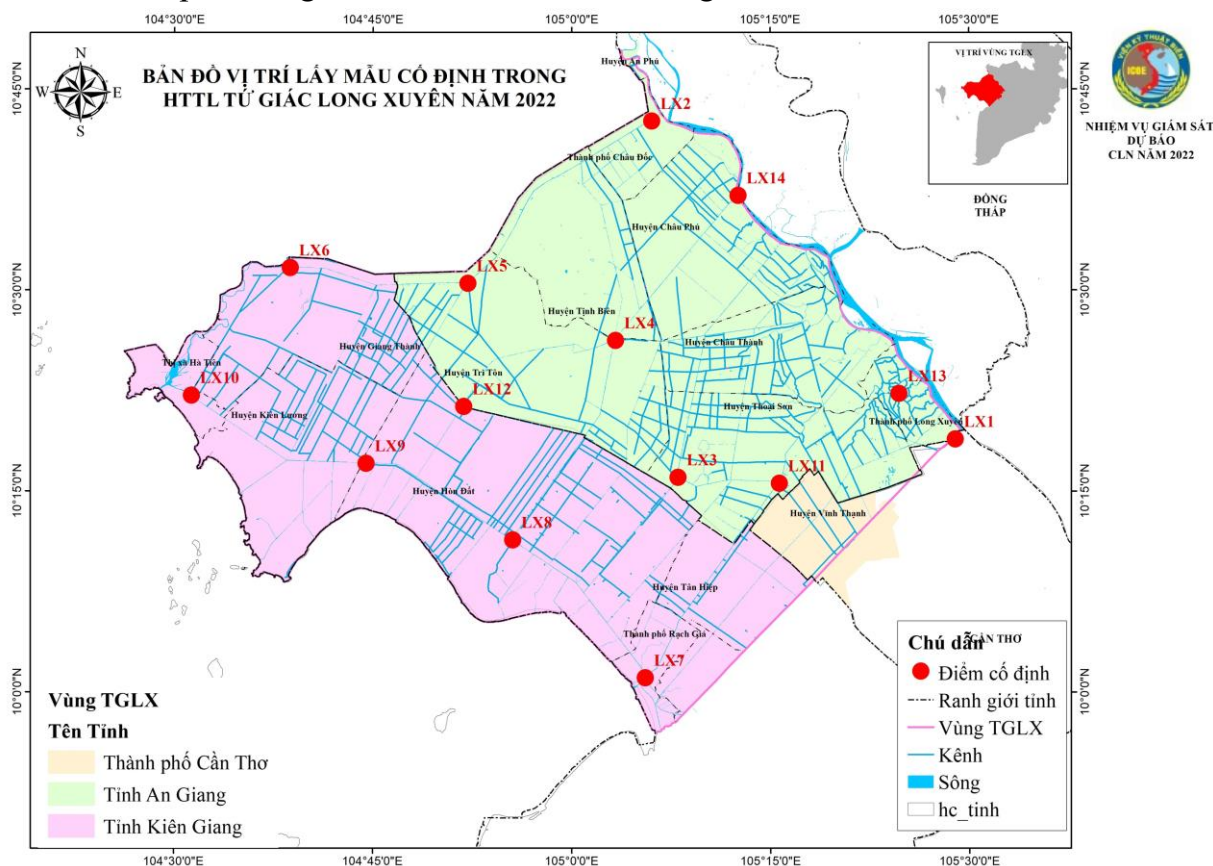
## BẢN TIN TUẦN

“Bản tin kỳ 11 đợt đo ngày 01/05/2022 dự báo đến ngày 08/05/2022”

### I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 01 tháng 05 năm 2022

#### 1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm quan trắc chất lượng nước được đặt tại các điểm gần cống phía nội đồng hoặc các điểm giao thoa giữa các kênh nhằm đánh giá chính xác và dự báo mức độ ô nhiễm nguồn nước khi vận hành hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phù hợp với yêu cầu sản xuất thực tế của địa phương. Sơ đồ 14 vị trí quan trắc mẫu cố định phục vụ giám sát và dự báo chất lượng nước như hình dưới và Phụ lục 1.



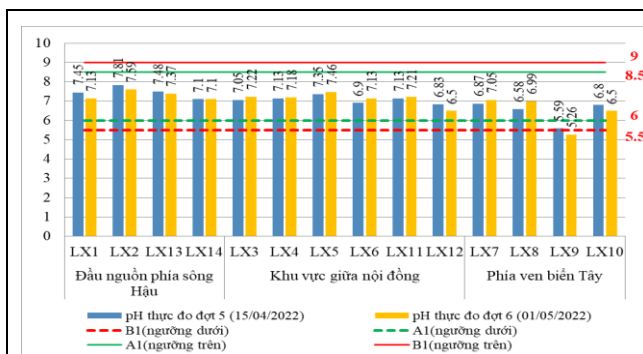
Hình 1. Bản đồ vị trí các điểm giám sát CLN cố định trong HTTL TGLX năm 2022

2. Thông tin lúc lấy mẫu: Thông tin chi tiết khi lấy mẫu hiện trường được thể hiện trong Phụ lục 1.

#### 3. Kết quả đo đạc các thông số môi trường

Kết quả đo đạc các thông số môi trường được so sánh với QCVN 08-MT:2015/BNTMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt cột A1, B1; nhằm đánh giá chất lượng của nguồn nước mặt, từ đó làm căn cứ đưa ra khuyến cáo cho người dân trong vùng TGLX sử dụng nước một cách phù hợp.

### 3.1 Độ pH



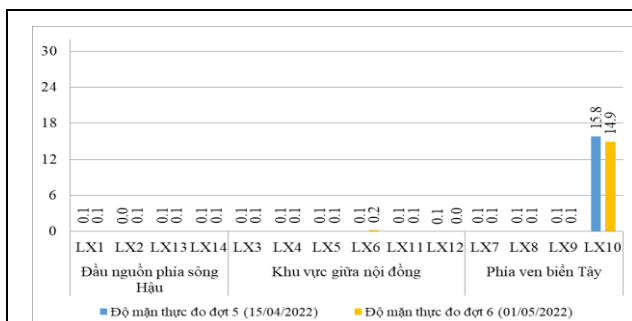
Hình 2. Biểu đồ pH của vùng TGLX

Giá trị pH dao động từ 5,26÷7,59, phần lớn các vị trí đều đạt cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT và; riêng điểm LX9 có pH (5,26) thấp hơn ngưỡng cho phép cột B1. Giữa các vị trí quan trắc giá trị pH ít có sự chênh lệch.

Nhìn chung, giá trị pH hiện tại vẫn đảm bảo cho nhu cầu lấy nước sản xuất nông nghiệp của người dân.

So với đợt quan trắc ngày 15/04/2022 giá trị pH vẫn giữ tương đối ổn định và có xu hướng tăng nhẹ.

### 3.2 Độ mặn

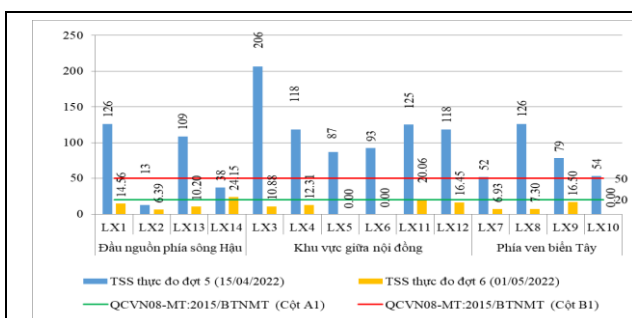


Hình 3. Biểu đồ độ mặn của vùng TGLX

Độ mặn tại các vị trí quan trắc khu vực canh tác lúa đều ở mức nước ngọt từ 0,00 – 0,10‰; riêng điểm LX10 (khu vực nuôi tôm) với độ mặn là 14,9‰, đây là độ mặn thích hợp để nuôi tôm. Nhìn chung, độ mặn ghi nhận được trong HTTL TGLX phù hợp cho mục đích sản xuất của người dân.

So với đợt ngày 15/04/2022, độ mặn có xu hướng giảm tại vị trí LX10; các vị trí còn lại không thay đổi.

### 3.3 Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)

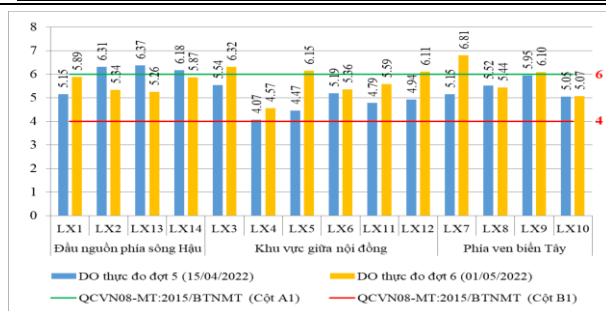


Hình 4. Biểu đồ TSS của vùng TGLX

Hàm lượng TSS tại các vị trí quan trắc dao động từ 6,39 – 24,15 mg/l. TSS trong đợt quan trắc này ghi nhận được ở mức thấp, hầu hết các vị trí (12/14 vị trí) có hàm lượng TSS nằm trong giới hạn cho phép cột A1.

So với đợt quan trắc ngày 15/04/2022, hàm lượng TSS có xu hướng giảm tại tất cả các vị trí quan trắc.

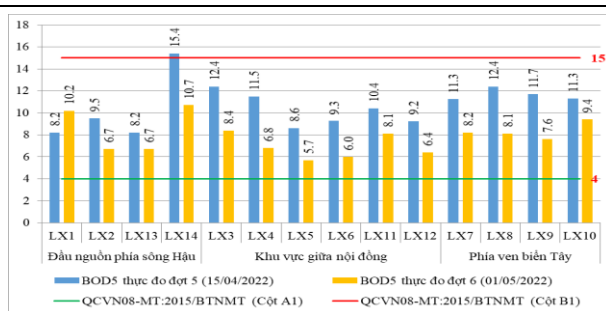
### 3.4 Ô nhiễm hữu cơ (DO, BOD<sub>5</sub>, COD)



Hình 5. Biểu đồ DO của vùng TGLX

Giá trị DO tại các vị trí quan trắc dao động từ 4,57 – 6,81 mg/l. Tất cả các vị trí quan trắc đều có giá trị DO đạt cột B1, một vài vị trí đạt cột A1 theo QCVN08. Nhìn chung, hàm lượng DO khu vực TGLX ở mức tốt, thuận lợi cho việc tưới tiêu phục vụ trồng trọt. Vị trí LX10 có hàm lượng DO đảm bảo cho việc nuôi tôm của người dân.

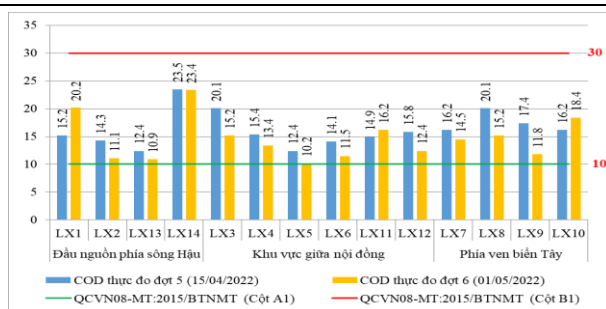
So với đợt quan trắc ngày 15/04/2022, hàm lượng DO có xu hướng tăng tại 10/14 vị trí.



Hình 6. Biểu đồ BOD<sub>5</sub> của vùng TGLX

Hàm lượng BOD<sub>5</sub> tại các vị trí quan trắc dao động từ 5,7 – 10,7 mg/l. Hầu hết các vị trí đều có giá trị BOD<sub>5</sub> nằm trong ngưỡng cho phép của cột B1 theo QCVN08. Với giá trị này người dân vẫn có thể lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, thủy lợi.

So với đợt quan trắc ngày 15/04/2022, giá trị BOD<sub>5</sub> có xu hướng giảm tại hầu hết các vị trí quan trắc.



Hình 7. Biểu đồ COD của vùng TGLX

Giá trị COD tại các vị trí quan trắc dao động từ 10,2 - 23,4. Tất cả giá trị COD tại các điểm quan trắc đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 nhưng nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 theo QCVN08. Với giá trị này người dân có thể yên tâm lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, thủy lợi.

So với đợt quan trắc ngày 15/04/2022, giá trị COD có xu hướng giảm tại hầu hết các vị trí quan trắc.

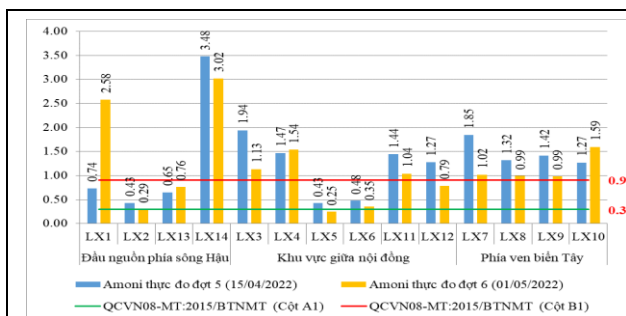
### Đánh giá và khuyến cáo:

- Kết quả quan trắc 3 chỉ tiêu DO, BOD<sub>5</sub> và COD cho thấy hầu hết tại các vị trí quan trắc cố định trong hệ thống thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên trong đợt thu mẫu này vẫn có dấu hiệu bị ô nhiễm hữu cơ. Phần lớn các vị trí quan trắc có chỉ tiêu BOD<sub>5</sub> và COD vượt ngưỡng cho phép của cột A1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT là nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt; nhưng lại nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 là nguồn nước đảm bảo phục vụ cho mục đích thủy lợi và tưới tiêu. Vì vậy khuyến cáo người dân chỉ nên lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, không nên dùng cho mục đích sinh hoạt. Tại vị trí LX10 có hàm lượng DO cao vẫn đảm bảo tốt cho việc nuôi tôm của người dân.

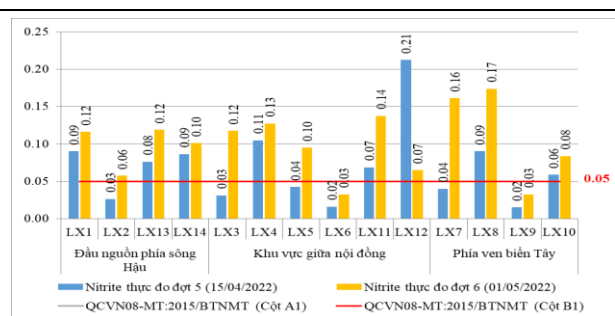
- Trong đợt quan trắc này, hàm lượng DO, BOD<sub>5</sub> và COD tại hầu hết các vị trí quan trắc có xu hướng cải thiện tốt hơn so với đợt quan trắc ngày 15/04/2022.



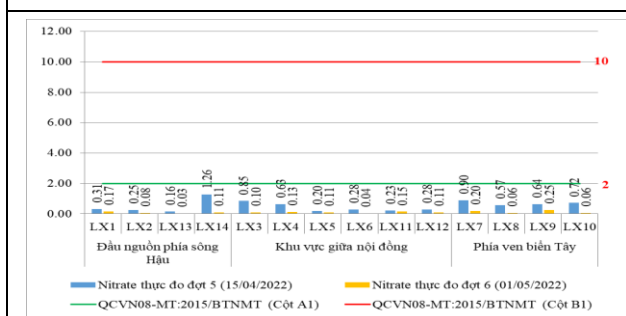
### 3.5 Ô nhiễm dinh dưỡng ( $\text{NH}_4^+$ , $\text{NO}_2^-$ , $\text{NO}_3^-$ , $\text{PO}_4^{3-}$ )



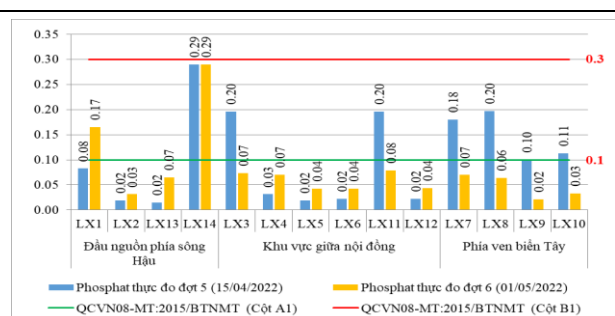
Hình 8. Biểu đồ  $\text{NH}_4^+$  của vùng TGLX



Hình 9. Biểu đồ  $\text{NO}_2^-$  của vùng TGLX



Hình 10. Biểu đồ  $\text{NO}_3^-$  của vùng TGLX



Hình 11. Biểu đồ  $\text{PO}_4^{3-}$  của vùng TGLX

- Hàm lượng Amoni ( $\text{NH}_4^+$ ) tại các vị trí dao động từ 0,25 – 3,02 mg/l. Hầu hết các vị trí có hàm lượng  $\text{NH}_4^+$  vượt ngưỡng cho phép cột A1 và nhiều vị trí (9/14 vị trí) vượt giới hạn cho phép cột B1 theo QCVN08- MT:2015/BTNMT. So với đợt quan trắc ngày 15/04/2022, hàm lượng  $\text{NH}_4^+$  có xu hướng giảm tại nhiều vị trí quan trắc (hình 8).

- Hàm lượng Nitrite ( $\text{NO}_2^-$ ) trong đợt quan trắc này dao động từ 0,03 – 0,17 mg/l. Phần lớn (12/14) vị trí quan trắc có hàm lượng  $\text{NO}_2^-$  vượt ngưỡng cho phép của cột A1 và B1 theo QCVN08. So với đợt quan trắc ngày 15/04/2022, hàm lượng  $\text{NO}_2^-$  có xu hướng tăng tại hầu hết các vị trí (13/14 vị trí) (hình 9).

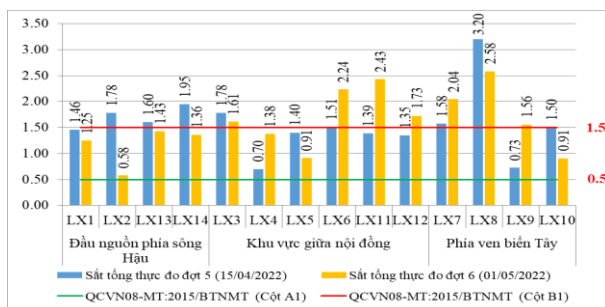
- Hàm lượng Nitrate ( $\text{NO}_3^-$ ) tại các vị trí quan trắc dao động từ 0,03 – 0,25 mg/l. Tất cả các vị trí đều có hàm lượng Nitrate nằm trong ngưỡng cho phép cột A1 theo QCVN08- MT:2015/BTNMT. So với đợt quan trắc ngày 15/04/2022, hàm lượng Nitrate có xu hướng giảm tại tất cả các vị trí (hình 10).

- Hàm lượng Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ) tại các vị trí quan trắc dao động từ 0,02÷0,29 mg/l. Tất cả các vị trí đều có giá trị Phosphat nằm trong ngưỡng cho phép của cột B1. Tuy nhiên so với đợt quan trắc ngày 15/04/2022, hàm lượng Phosphat có xu hướng tăng tại các vị trí khu vực đầu nguồn sông Hậu và giữa nội đồng, trong khi đó tại khu vực ven biển Tây lại có xu hướng giảm (hình 11).

➤ **Khuyến cáo:** Nhìn chung, hàm lượng của các muối dinh dưỡng tại phần lớn các vị trí quan trắc trong đợt quan trắc này có xu hướng giảm, riêng hàm lượng  $\text{NO}_2^-$  có xu hướng tăng. Với hàm lượng các muối dinh dưỡng này vẫn có thể đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, trồng trọt. Riêng vị trí LX10 (là khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) hàm lượng  $\text{NO}_2^-$  vẫn đang ở mức cao vượt ngưỡng cột B1 nên người dân cần lưu ý theo dõi và xử lý nguồn nước khi lấy nước vào ao nuôi, tránh trường hợp nồng độ  $\text{NO}_2^-$  cao có thể gây

chết tôm.

### 3.6 Tổng Sắt

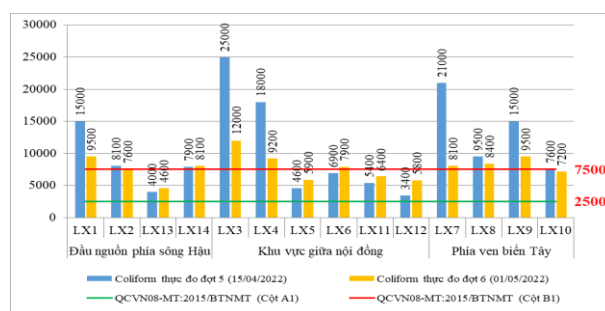


Hình 12. Biểu đồ Tổng Sắt của vùng TGLX

Hàm lượng tổng Sắt tại các vị trí dao động từ 0,58 – 2,58 mg/l. Tất cả các vị trí có hàm lượng tổng sắt vượt giới hạn cho phép cột A1 và một số vị trí vượt giới hạn cho phép cột B1.

So với đợt quan trắc ngày 15/4/2022, hàm lượng tổng Sắt trong đợt quan trắc này có xu hướng giảm ở 8/14 vị trí, nhưng đồng thời cũng tăng ở các vị trí còn lại. Hàm lượng tổng sắt ở khu vực đầu nguồn sông Hậu có có xu hướng cải thiện tốt hơn các khu vực còn lại.

### 3.7 Ô nhiễm vi sinh



Hình 13. Biểu đồ Coliform vùng TGLX

Giá trị Coliform trong đợt quan trắc này dao động từ 4600 – 12000 MPN/100ml; Coliform tại tất cả các vị trí đều vượt giới hạn của cột A1 và có 9/14 vị trí vượt giới hạn cột B1 theo QCVN08.

So với đợt quan trắc ngày 15/4/2022, giá trị Coliform có xu hướng giảm tại phần lớn các vị trí quan trắc.

### 3.8 Các giá trị WQI của đợt đo

Giá trị WQI đã tính toán với 9 thông số:  $DO$ ,  $BOD_5$ ,  $N-NH_4$ ,  $NO_3$ ,  $NO_2$ ;  $COD$ ,  $P-PO_4^{3-}$ ;  $pH$  và  $Coliform$ . Kết quả tính toán chất lượng nước tại 14 vị trí quan trắc cố định vùng TGLX vào đợt ngày 01/05/2022 có 1/14 vị trí ở mức “Tốt”, 10/14 vị trí ở mức “Trung bình”, 2/14 vị trí ở mức “Kém” và 1/14 vị trí ở mức “Ô nhiễm rất nặng”.

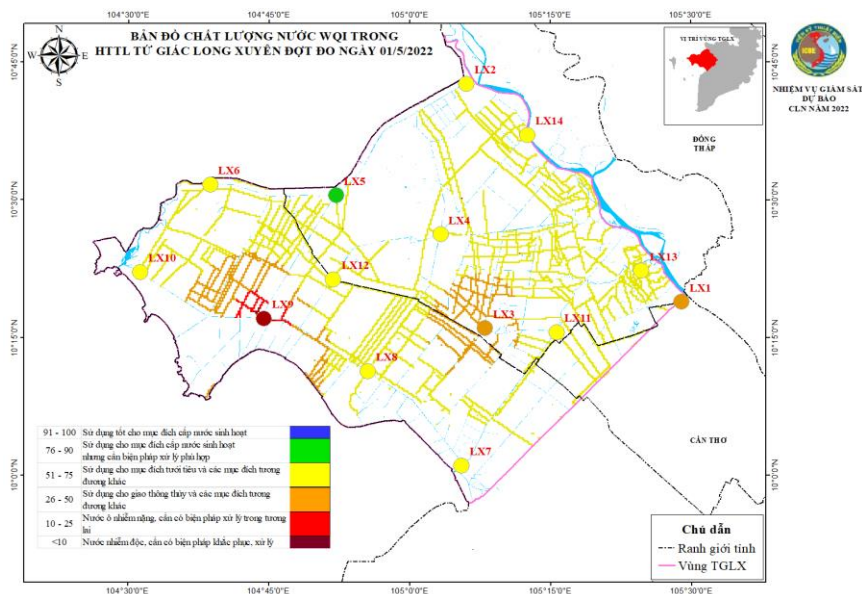
Bảng 1. Chất lượng nước theo WQI và sự phù hợp với mục đích sử dụng tại các vị trí quan trắc cố định trong HTTL Tứ Giác Long Xuyên vào đợt đo ngày 01/05/2022

Ký hiệu	Giá trị VN_WQI	Chất lượng nước	Phù hợp mục đích sử dụng	Thang màu
LX1	48	Kém	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	Đỏ
LX2	67	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	Vàng
LX3	36	Kém	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	Đỏ
LX4	51	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	Vàng
LX5	76	Tốt	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh	Xanh lá

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 01/05/2022)

			hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp	
<b>LX6</b>	70	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
<b>LX7</b>	59	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
<b>LX8</b>	55	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
<b>LX9</b>	6	Ô nhiễm rất nặng	Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý	
<b>LX10</b>	59	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
<b>LX11</b>	63	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
<b>LX12</b>	69	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
<b>LX13</b>	72	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
<b>LX14</b>	51	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	

Dựa vào phương pháp nội suy bản đồ trong phần mềm ArcGis với công cụ hỗ trợ là Spatial Analysis Tools – IDW cho chỉ số VN\_WQI đã tính toán cho HTTL TGLX, kết quả cho thấy vào đợt thu mẫu ngày 01/05/2022 ở vùng Tứ Giác Long Xuyên chất lượng nước nhìn chung đang ở mức “*Ô nhiễm rất nặng*” đến “*Tốt*”. Trong đó phần lớn kênh rạch trong vùng có chất lượng nước biểu thị mức “*Trung bình*” (màu vàng - hình 14), riêng vị trí LX9 trong đợt quan trắc này ghi nhận được chỉ số WQI thấp ở mức “*Ô nhiễm rất nặng*” do tại đây ghi nhận giá trị pH thấp đã làm ảnh hưởng đến giá trị WQI. Cũng từ bản đồ về diễn biến chất lượng nước WQI (hình 14) cho thấy, khu vực dọc theo sông Hậu và dọc theo kênh Vĩnh Tế của vùng Tứ Giác Long Xuyên có chất lượng nước nhìn chung tốt hơn so với khu vực ven biển Tây và vùng giữa nội đồng.



**Hình 14:** Bản đồ chất lượng nước theo WQI trong HTTL TGLX đợt 6 ngày 01/05/2022 (nhằm ngày 01/04/2022 Âm lịch)

**Kết luận:** Qua chỉ số WQI vào đợt quan trắc ngày 01/05/2022 đã cho thấy: Chất lượng nước khu vực TGLX vẫn đảm bảo tốt cho hoạt động tưới tiêu, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác. Một số vị trí có chất lượng nước “Kém” là do hàm lượng Coliform cao, đã làm ảnh hưởng đến chỉ số WQI. Riêng điểm LX9 ở mức “Ô nhiễm rất nặng” ngoài giá trị Coliform cao còn ghi nhận giá trị pH thấp đã làm ảnh hưởng nhiều đến giá trị WQI.

## II. Dự báo chất lượng nước đến ngày 08/05/2022

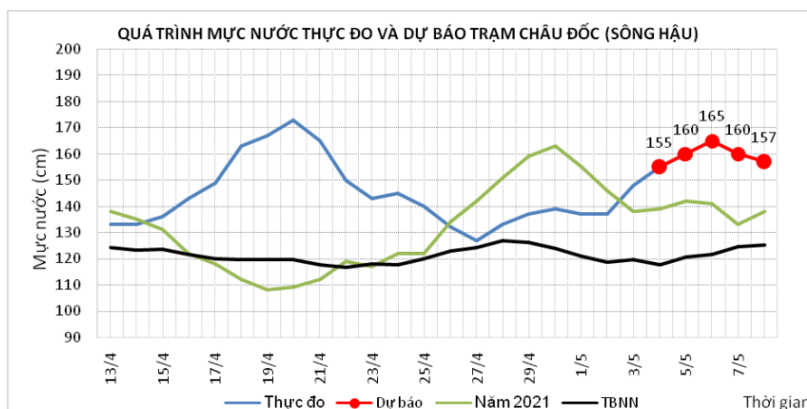
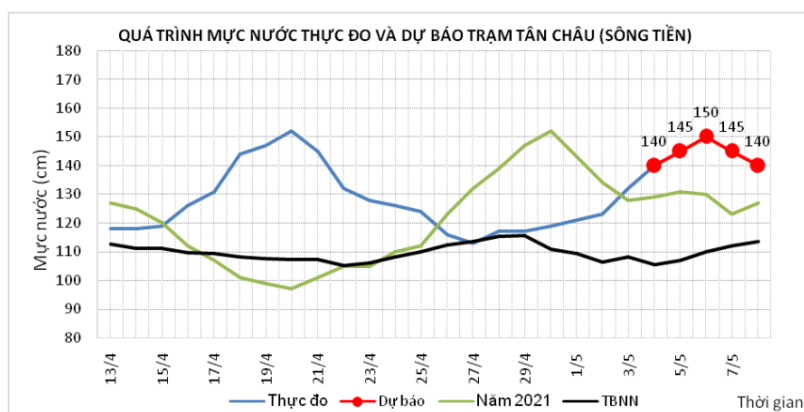
### 1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong vùng

Diễn biến thủy văn: Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long đang lên theo triều. Mực nước cao nhất ngày 03/5 trên sông Tiền tại Tân Châu 1,32m; trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,48m.

Dự báo: Trong 3 – 4 ngày tới mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục lên, sau đó biến đổi chậm theo triều. Đến ngày 08/5 mực nước cao nhất ngày tại Tân Châu ở mức 1,40m; tại Châu Đốc ở mức 1,57m [1].

**Bảng 2.** Mực nước thực đo và dự báo trên sông Tiền và sông Hậu

Sông	Trạm	Mực nước cao nhất ngày (cm)					
		Thực đo		Dự báo			
		03/05	04/05	05/05	06/05	07/05	08/05
Sông Tiền	Tân Châu	132 ↑	140 ↑	145 ↑	150 ↑	145 ↓	140 ↓
Sông Hậu	Châu Đốc	148 ↑	155 ↑	160 ↑	165 ↑	160 ↓	157 ↓



**Hình 15.** Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo tại trạm Tân Châu và Châu Đốc từ 13/4 - 07/05 năm 2022



❖ **Tình hình sản xuất tỉnh An Giang:**

Vụ lúa Hè Thu 2022, toàn tỉnh dự kiến xuống giống 229.373ha. Với năng suất ước đạt 5,83 tấn/ha, sản lượng có thể gần 1,34 triệu tấn.

Căn cứ khung lịch thời vụ của Cục Trồng trọt cho khu vực ĐBSCL, tình hình khí tượng, thủy văn; thời gian xuống giống theo từng tiểu vùng của vụ trước; diễn biến rầy nâu trên đồng ruộng, rầy nâu vào bầy đèn trong và ngoài tỉnh, Sở NN&PTNT khuyến cáo khung lịch thời vụ xuống giống vụ hè thu 2022 trong toàn tỉnh An Giang bắt đầu từ ngày 15/3 đến 10/5 (nhằm ngày 13/2 đến 10/4 âm lịch).

\* Đối với lịch xuống giống né khô hạn và chia sẻ nguồn nước, chia làm 3 đợt:

- Đợt 1 đã xuống giống từ ngày 15/3 - 31/3, diện tích khoảng 30.000ha, tập trung ở những vùng, tiểu vùng sản xuất 2 vụ tại các huyện Tri Tôn, Tịnh Biên và các tiểu vùng ngưng sản xuất vụ thu đông tại huyện Phú Tân, Châu Phú. Qua đó, giúp phân bổ nguồn nước giữa các vùng trong tỉnh, chia sẻ nguồn nước với các tỉnh dưới hạ nguồn và né hạn, mặn cuối vụ.

- Đợt 2 xuống giống từ ngày 1/4 - 30/4, xuống giống đại trà đối với vùng sản xuất lúa 3 vụ/năm, diện tích khoảng 160.000ha.

- Đợt 3 xuống giống từ ngày 1/5 - 10/5, xuống giống tại các tiểu vùng nằm trong kế hoạch xả lũ vụ thu đông 2022 và một số tiểu vùng xuống giống đông xuân 2021-2022 muộn, diện tích khoảng 39.000ha, rải rác tại các huyện: Tri Tôn, Chợ Mới, Châu Phú, An Phú, Tịnh Biên, TX. Tân Châu, TP. Châu Đốc.

\* Đối với lịch xuống giống né rầy, trên cơ sở theo dõi diễn biến rầy nâu vào đèn, tình hình thu hoạch lúa đông xuân 2021-2022, lịch xuống giống đồng loạt, tập trung và né rầy chia làm 2 đợt:

- Đợt 1 xuống giống từ ngày 26/3 đến 6/4, xuống giống tập trung ở những vùng thu hoạch đông xuân sớm và đại trà với khoảng 60.000ha, tại các huyện Tri Tôn, An Phú, Tịnh Biên, Chợ Mới, Thoại Sơn và TP. Long Xuyên.

- Đợt 2 xuống giống tập trung từ ngày 18 - 27/4, xuống giống dứt điểm ở những vùng thu hoạch đông xuân đại trà và muộn, gồm các huyện: An Phú, Châu Phú, Phú Tân, Châu Thành, Chợ Mới, TX. Tân Châu và TP. Châu Đốc, diện tích 50.000ha.

**Về cơ cấu giống:** Qua theo dõi của Sở NN&PTNT, các giống lúa OM9582, Đài thơm 8, OM5451, OM7347, OM6976, OM18, Jasmine 85, OM9577, OM4900, OM38... được doanh nghiệp thu mua giá cao và theo chiều hướng tăng. Các huyện, thị xã, thành phố có biện pháp chỉ đạo và khuyến cáo nông dân sản xuất các giống này trong vụ hè thu 2022.

Bên cạnh đó, khuyến cáo nông dân sử dụng nhóm giống có triển vọng để có thể thay thế các giống lúa không còn phù hợp trong sản xuất tại địa phương, được đề xuất, gồm: Lộc Trời 7, Lộc Trời 18, Lộc Trời 28, OM448, OM418... Tuyệt đối không gieo trồng các giống lúa chưa được Bộ NN&PTNT công nhận. Riêng đối với nhóm giống lúa Japonica (ĐS1, Hana, Kinu...) và nếp, đề nghị nông dân chỉ sản xuất khi có hợp

đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp, khi sản xuất phải phù hợp với quy định và gắn với quy hoạch của từng địa phương [2].

#### ❖ **Tình hình sản xuất tỉnh Kiên Giang:**

**Lịch gieo sạ vụ Hè Thu năm 2022:** Căn cứ theo tiến độ thu hoạch lúa Đông Xuân 2021 – 2022 của tỉnh, điều kiện khí tượng thủy văn và dự báo rầy nâu di trú, Sở NN&PTNT hướng dẫn lịch gieo sạ vụ lúa Hè Thu năm 2022 như sau:

- Đợt 1 (gieo sạ từ ngày 20/3 – 30/3/2022): chủ yếu đối với vùng sản xuất 3 vụ/năm, bao gồm: phần lớn diện tích huyện Giồng Riềng; một phần diện tích của các huyện Tân Hiệp, Châu Thành và Tp. Rạch Giá.

- Đợt 2 (gieo sạ từ ngày 15/4 – 25/4/2022): phần lớn diện tích huyện Tân Hiệp, Châu Thành, phía Bắc đường Quốc lộ 80 của huyện Hòn Đất; một phần diện tích của huyện Gò Quao, Giồng Riềng, Giang Thành và Tp. Rạch Giá.

- Đợt 3 (gieo sạ từ ngày 15/5 – 25/5/2022): bao gồm phía Nam đường Quốc lộ 80 của huyện Hòn Đất, Kiên Lương; một phần diện tích của huyện Gò Quao, Châu Thành và Giang Thành.

- Đợt 4 (gieo sạ từ ngày 01/6 – 20/6/2022): bao gồm các huyện vùng U Minh Thượng; một số tiểu vùng ven sông Cái Lớn, Cái Bé thuộc huyện Gò Quao và Châu Thành.

#### \* **Về cơ cấu giống:**

- Vùng Tây sông Hậu (gồm các huyện: Tân Hiệp, Châu Thành, Tp. Rạch Giá, một phần của huyện Gò Quao): khuyến cáo sử dụng các giống lúa chất lượng tốt như: OM18, OM5451, OM380, Đài thơm 8, OM7347, OM6976.

- Vùng Tứ Giác Long Xuyên (huyện Hòn Đất, Kiên Lương, Giang Thành):

✓ Vùng sản xuất 3 vụ lúa/năm hoặc canh tác 2 vụ lúa – 1 vụ màu, vùng gần biển có đê bao không hoàn chỉnh, có thể bị mặn xâm nhập sớm vào cuối vụ: OM18, OM5451, Đài thơm 8, OM4900.

✓ Vùng sản xuất 2 vụ lúa/năm, vùng có đê bao bảo đảm ngăn mặn cuối vụ: OM4900, OM6976, Đài thơm 8, ST24, ST25; nhóm lúa Nhật (DDS1), nhóm giống lúa nếp (IR4625).

- Vùng U Minh Thượng (gồm các huyện: An Biên, Vĩnh Thuận, U Minh Thượng, một phần Gò Quao: Vĩnh Tuy, Thụy Liễu): khuyến cáo sử dụng các giống lúa như: OM5451, OM6976, OM7347, OM18, Đài thơm 8, ST24, ST25 [3].

**Lịch thời vụ thả giống tôm nước lợ năm 2022:** Đối với vùng Tứ Giác Long Xuyên (các huyện Kiên Lương, Giang Thành và Tp. Hà Tiên thả giống tôm sú từ tháng 3 đến tháng 4/2022, thu hoạch dứt điểm tháng 8/2022. Riêng huyện Hòn Đất thả giống tôm sú từ tháng 4 đến tháng 5/2022, thu hoạch dứt điểm trong tháng 8/2022 [4].

## **2. Dự báo tình hình ô nhiễm môi trường cho các vị trí quan trắc từ ngày 02-08/05/2022**

Thời gian dự báo cho kỳ 11 là từ ngày 02 - 08/05/2022. Kết quả dự báo các chỉ

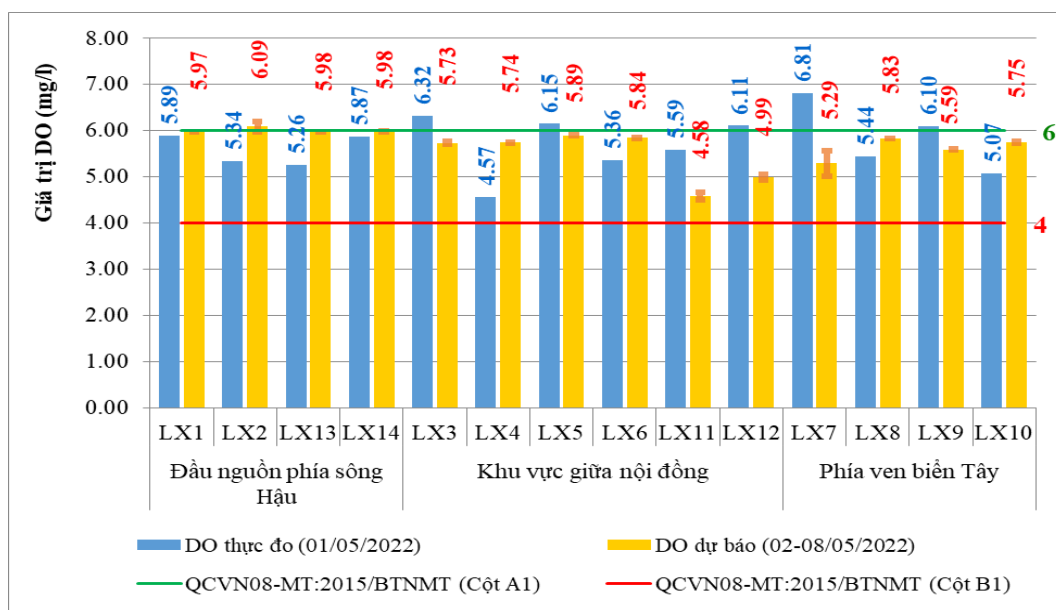
số chính bao gồm: DO, BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup> và độ mặn.

## 2.1 Dự báo oxy hòa tan (DO)

Nồng độ DO dự báo trong HTTL TGLX từ ngày 02 - 08/05/2022 có giá trị từ  $4,58 \pm 0,08 \div 6,09 \pm 0,11$  mg/l. DO dự báo ở đầu nguồn sông Hậu có xu hướng tăng so với giá trị thực đo ngày 01/05/2022, trong khi khu vực giữa nội đồng và phía ven biển lại có xu hướng giảm. Giá trị DO dự báo ở tất cả các vị trí đều đạt cột B1 và một số vị trí vào một số thời điểm còn có thể đạt cột A1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT (bảng 3 và hình 16). Với giá trị DO dự báo cho thấy nguồn nước trong HTTL TGLX vẫn đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ cho tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản.

**Bảng 3.** Kết quả dự báo DO trong hệ thống CTTL TGLX từ ngày 02 – 08/05/2022

Khu vực	Vị trí	Giá trị thực đo 01/05/2022	Ngày dự báo							Trung bình
			02/05	03/05	04/05	05/05	06/05	07/05	08/05	
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	5,89	5,97	5,97	5,97	5,96	5,96	5,97	5,96	$5,97 \pm 0$
	LX2	5,34	6,27	6,19	6,12	6,06	6,00	5,99	6,00	$6,09 \pm 0,11$
	LX13	5,26	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	$5,98 \pm 0$
	LX14	5,87	5,98	5,98	5,98	5,98	5,99	5,99	5,99	$5,98 \pm 0$
Khu vực giữa nội đồng	LX3	6,32	5,78	5,76	5,74	5,72	5,71	5,70	5,70	$5,73 \pm 0,03$
	LX4	4,57	5,71	5,72	5,73	5,75	5,76	5,76	5,75	$5,74 \pm 0,02$
	LX5	6,15	5,89	5,90	5,91	5,91	5,90	5,89	5,87	$5,89 \pm 0,01$
	LX6	5,36	5,85	5,85	5,85	5,84	5,84	5,84	5,84	$5,84 \pm 0,01$
	LX11	5,59	4,44	4,50	4,56	4,60	4,63	4,65	4,66	$4,58 \pm 0,08$
Phía ven biển Tây	LX12	6,11	4,90	4,95	4,97	4,99	5,02	5,05	5,06	$4,99 \pm 0,06$
	LX7	6,81	4,90	5,00	5,15	5,32	5,47	5,56	5,62	$5,29 \pm 0,28$
	LX8	5,44	5,82	5,83	5,82	5,83	5,82	5,83	5,83	$5,83 \pm 0$
	LX9	6,10	5,57	5,58	5,58	5,59	5,60	5,61	5,60	$5,59 \pm 0,01$
LX10	5,07	5,78	5,77	5,75	5,74	5,73	5,72	5,72	$5,75 \pm 0,02$	



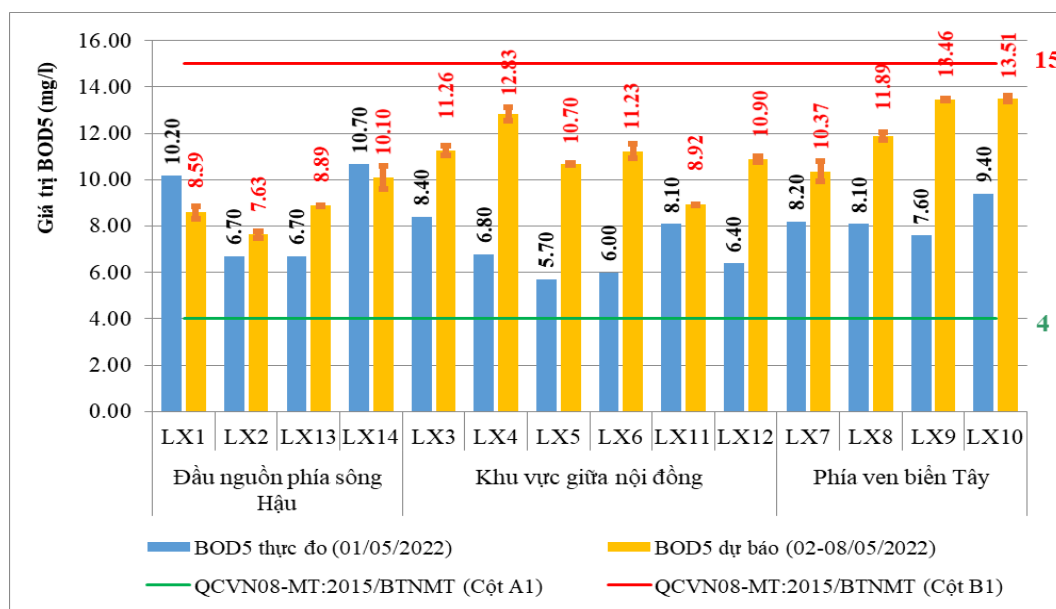
**Hình 16.** Biểu đồ giá trị DO dự báo từ ngày 02 – 08/05/2022

## 2.2 Dự báo nhu cầu oxy hóa sinh học (BOD<sub>5</sub>)

Nồng độ BOD<sub>5</sub> dự báo từ ngày 02 - 08/05/2022 dao động từ 7,63±0,14 ÷ 13,51±0,11 mg/l. Giá trị BOD<sub>5</sub> dự báo có xu hướng tăng so với giá trị thực đo ngày 01/05/2022 tại hầu hết các vị trí trong vùng TGLX. Giá trị BOD<sub>5</sub> dự báo đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 nhưng đều nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 theo QCVN08 (bảng 4 và hình 17). Nhìn chung, với giá trị dự báo này người dân vẫn có thể lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, thủy lợi.

**Bảng 4.** Kết quả dự báo BOD<sub>5</sub> trong hệ thống CTTL TGLX từ ngày 02 - 08/05/2022

Khu vực	Vị trí	Giá trị thực đo 01/05/2022	Ngày dự báo							Trung bình
			02/5	03/5	04/5	05/5	06/5	07/5	08/5	
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	10,20	8,23	8,34	8,47	8,6	8,73	8,85	8,95	8,59 ± 0,26
	LX2	6,70	7,86	7,76	7,68	7,59	7,52	7,51	7,51	7,63 ± 0,14
	LX13	6,70	8,91	8,89	8,89	8,9	8,9	8,9	8,85	8,89 ± 0,02
	LX14	10,70	9,41	9,61	9,86	10,1	10,4	10,6	10,8	10,1 ± 0,5
Khu vực giữa nội đồng	LX3	8,40	11,3	11,2	11,1	11,1	11,2	11,4	11,7	11,26 ± 0,21
	LX4	6,80	13,1	13	13	12,9	12,8	12,6	12,3	12,83 ± 0,28
	LX5	5,70	10,6	10,7	10,7	10,7	10,7	10,7	10,8	10,7 ± 0,04
	LX6	6,00	11,1	11,5	11,6	11,5	11,2	11	10,8	11,23 ± 0,3
	LX11	8,10	8,88	8,92	8,93	8,93	8,92	8,93	8,94	8,92 ± 0,02
	LX12	6,40	11,2	11	10,9	10,9	10,8	10,8	10,8	10,9 ± 0,13
Phía ven biển Tây	LX7	8,20	10	9,98	10,1	10,2	10,4	10,7	11,2	10,37 ± 0,45
	LX8	8,10	12,2	12	11,9	11,9	11,8	11,7	11,8	11,89 ± 0,16
	LX9	7,60	13,6	13,5	13,4	13,4	13,4	13,4	13,5	13,46 ± 0,06
	LX10	9,40	13,4	13,4	13,4	13,5	13,6	13,7	13,7	13,51 ± 0,11



**Hình 17.** Biểu đồ giá trị BOD<sub>5</sub> dự báo từ ngày 02 - 08/05/2022

## 2.3 Dự báo Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>)

Kết quả dự báo hàm lượng NH<sub>4</sub><sup>+</sup> từ ngày 02 - 08/05/2022 trong khoảng từ 0,23 - 1,75±0,7 mg/l. Giá trị NH<sub>4</sub><sup>+</sup> dự báo có xu hướng giảm ở các vị trí quan trắc khu vực

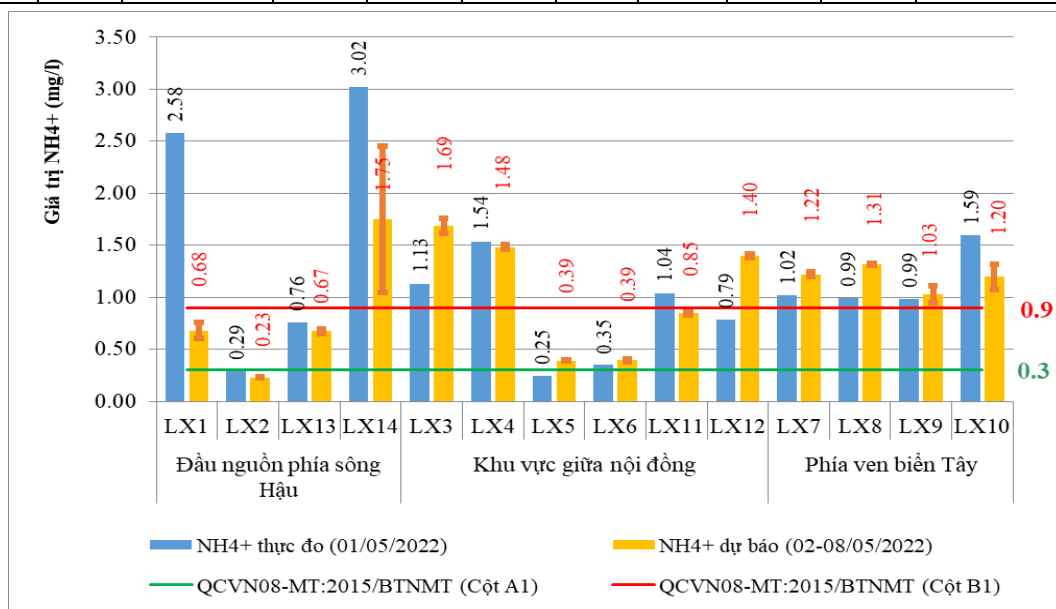


đầu nguồn sông Hậu, tuy nhiên lại tăng ở khu vực giữa nội đồng và ven biển Tây so với giá trị thực đo ngày 01/05/2022 (bảng 5 và hình 18).

Giá trị  $NH_4^+$  dự báo tại hầu hết các vị trí (13/14 vị trí) đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 và có nhiều vị trí còn vượt ngưỡng cho phép của cột B1 theo QCVN08. Với giá trị dự báo này người dân vẫn có thể lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, thủy lợi.

**Bảng 5.** Kết quả dự báo  $NH_4^+$  trong hệ thống CTTL TGLX từ ngày 02 - 08/05/2022

Khu vực	Vị trí	Giá trị thực đo 01/05/2022	Ngày dự báo							Trung bình
			02/05	03/05	04/05	05/05	06/05	07/05	08/05	
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	2,58	0,57	0,61	0,64	0,69	0,72	0,76	0,78	$0,68 \pm 0,08$
	LX2	0,29	0,24	0,23	0,23	0,23	0,23	0,23	0,23	$0,23 \pm 0$
	LX13	0,76	0,70	0,69	0,68	0,68	0,67	0,66	0,64	$0,67 \pm 0,02$
	LX14	3,02	1,14	1,31	1,54	1,48	1,30	2,54	2,94	$1,75 \pm 0,7$
Khu vực giữa nội đồng	LX3	1,13	1,71	1,66	1,63	1,62	1,65	1,71	1,82	$1,69 \pm 0,07$
	LX4	1,54	1,46	1,47	1,49	1,50	1,51	1,49	1,45	$1,48 \pm 0,02$
	LX5	0,25	0,39	0,39	0,39	0,39	0,39	0,40	0,40	$0,39 \pm 0$
	LX6	0,35	0,38	0,40	0,41	0,41	0,40	0,38	0,38	$0,39 \pm 0,01$
	LX11	1,04	0,87	0,87	0,86	0,84	0,83	0,83	0,83	$0,85 \pm 0,02$
	LX12	0,79	1,40	1,39	1,39	1,39	1,39	1,41	1,43	$1,4 \pm 0,01$
Phía ven biển Tây	LX7	1,02	1,25	1,24	1,23	1,22	1,20	1,20	1,20	$1,22 \pm 0,02$
	LX8	0,99	1,34	1,31	1,31	1,31	1,31	1,31	1,31	$1,31 \pm 0,01$
	LX9	0,99	0,91	0,95	1,00	1,05	1,08	1,11	1,11	$1,03 \pm 0,08$
	LX10	1,59	1,00	1,07	1,16	1,24	1,28	1,31	1,32	$1,2 \pm 0,12$



**Hình 18.** Biểu đồ giá trị  $NH_4^+$  dự báo từ ngày 02 - 08/05/2022

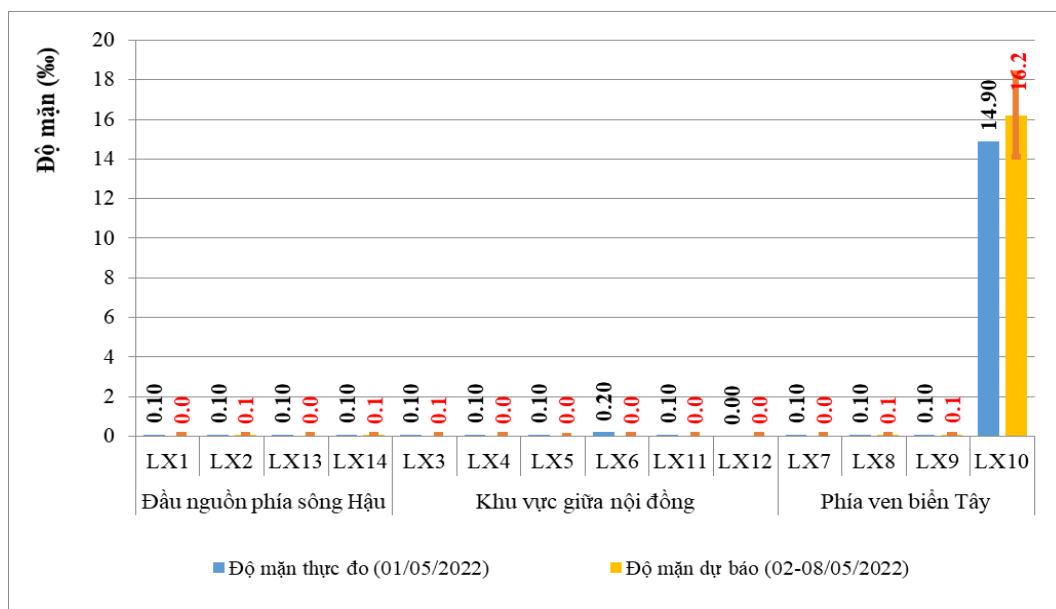
## 2.4 Dự báo độ mặn

Độ mặn dự báo từ ngày 02 - 08/05/2022 dao động từ 0,03÷16,2‰. Nhìn chung, độ mặn được dự báo ở phần lớn vị trí quan trắc ít có sự biến động lớn so với giá trị thực đo ngày 01/05/2022, riêng vị trí LX10 độ mặn dự báo tăng nhẹ so với giá trị thực đo (bảng 6 và hình 19).

Kết quả dự báo độ mặn cho thấy: Nguồn nước khu vực canh tác lúa của người dân không bị nhiễm mặn, đáp ứng tốt nhu cầu canh tác lúa và hoa màu. Riêng vị trí LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) độ mặn dự báo nằm trong khoảng thích hợp để nuôi tôm nước lợ theo dự thảo lần 4 TCVN về nước nuôi trồng thủy sản là từ 7 - 25‰.

**Bảng 6.** Kết quả dự báo Độ mặn trong hệ thống CTTL TGLX từ ngày 02 - 08/05/2022

Khu vực	Vị trí	Giá trị thực đo 01/05/2022	Ngày dự báo							Trung bình
			02/05	03/05	04/05	05/05	06/05	07/05	08/05	
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,10	0,03	0,03	0,03	0,10	0,00	0,03	0,00	0,03 ± 0,03
	LX2	0,10	0,07	0,09	0,08	0,02	0,03	0,09	0,03	0,06 ± 0,03
	LX13	0,10	0,04	0,07	0,03	0,08	0,00	0,06	0,04	0,05 ± 0,03
	LX14	0,10	0,09	0,05	0,09	0,03	0,04	0,07	0,01	0,06 ± 0,03
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0,10	0,06	0,08	0,01	0,04	0,07	0,01	0,10	0,05 ± 0,03
	LX4	0,10	0,03	0,01	0,03	0,04	0,03	0,05	0,09	0,04 ± 0,03
	LX5	0,10	0,02	0,00	0,03	0,01	0,04	0,01	0,06	0,03 ± 0,02
	LX6	0,20	0,01	0,02	0,00	0,06	0,01	0,04	0,09	0,03 ± 0,03
	LX11	0,10	0,05	0,04	0,03	0,01	0,07	0,08	0,06	0,05 ± 0,02
Phía ven biển Tây	LX12	0,00	0,00	0,04	0,01	0,08	0,09	0,09	0,02	0,05 ± 0,04
	LX7	0,10	0,05	0,03	0,00	0,08	0,03	0,10	0,01	0,04 ± 0,04
	LX8	0,10	0,02	0,09	0,06	0,05	0,08	0,08	0,02	0,06 ± 0,03
	LX9	0,10	0,10	0,04	0,05	0,07	0,07	0,10	0,10	0,07 ± 0,02
LX10	14,90	13,91	18,11	14,01	16,62	14,81	16,63	19,40	16,22 ± 2,09	



**Hình 19.** Biểu đồ giá trị độ mặn dự báo từ ngày 02 – 08/05/2022

### III. Kết luận và kiến nghị

Kết quả quan trắc các chỉ tiêu môi trường nước trong HTTL Tứ Giác Long Xuyên ngày 01/05/2022 cho thấy:

Về chỉ tiêu độ mặn, tất cả các vị trí quan trắc nằm trong vùng sản xuất lúa đều không bị nhiễm mặn, vẫn đảm bảo đáp ứng được nhu cầu canh tác lúa và hoa màu. Riêng vị trí LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) độ mặn ở mức 14,9‰ là độ mặn thích hợp để nuôi tôm.

Giá trị pH tại phần lớn các vị trí quan trắc nằm trong giới hạn cho phép của QCVN08 (Cột A1 và B1), riêng vị trí LX9 có giá trị pH thấp cần phải theo dõi; với giá trị pH hiện tại vẫn đảm bảo cho nhu cầu lấy nước sản xuất nông nghiệp của người dân. Hàm lượng TSS trong đợt quan trắc này ghi nhận được ở mức thấp với hầu hết các vị trí có hàm lượng TSS nằm trong giới hạn cho phép cột A1.

Kết quả quan trắc các chỉ tiêu BOD<sub>5</sub> và COD đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT là nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt; nhưng lại nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 là nguồn nước đảm bảo phục vụ cho mục đích thủy lợi và tưới tiêu. Vì vậy khuyến cáo người dân chỉ nên lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, không nên dùng cho mục đích sinh hoạt. Tại vị trí LX10 có hàm lượng DO cao vẫn đảm bảo tốt cho việc nuôi tôm của người dân.

Hàm lượng của các muối dinh dưỡng (Nitrate, Amoni, Phosphat) tại phần lớn các vị trí trong đợt quan trắc này có xu hướng giảm, riêng hàm lượng NO<sub>2</sub><sup>-</sup> có xu hướng tăng. Với hàm lượng các muối dinh dưỡng này vẫn có thể đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ cho việc tưới tiêu, trồng trọt. Riêng vị trí LX10 (là khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) hàm lượng NO<sub>2</sub><sup>-</sup> vẫn đang ở mức cao vượt ngưỡng cột B1 nên người dân cần lưu ý theo dõi và xử lý nguồn nước khi lấy nước vào ao nuôi, tránh trường hợp nồng độ NO<sub>2</sub><sup>-</sup> cao có thể gây chết tôm.

Chỉ số WQI vào đợt quan trắc ngày 01/05/2022 cho thấy: chất lượng nước tại các vị trí quan trắc ở vùng TGLX nhìn chung ở mức “*Trung bình*” sử dụng tốt cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác. Riêng điểm LX9 ở mức “*Ô nhiễm rất nặng*” là do nồng độ Coliform trong nước cao cùng với giá trị pH thấp đã làm ảnh hưởng nhiều đến giá trị WQI.

#### **Dự báo trong tuần tới:**

Kết quả dự báo cho thấy trong tuần từ 02 - 08/05/2022, độ mặn dự báo ít có sự biến động và vẫn trong giới hạn cho phép để phục vụ tốt hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân. Giá trị DO dự báo ở tất cả các vị trí đều đạt cột B1 và một số vị trí vào một số thời điểm còn có thể đạt cột A1; giá trị BOD<sub>5</sub> dự báo tại nhiều vị trí quan trắc đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 nhưng đều nằm trong giới hạn cho phép của cột B1; giá trị NH<sub>4</sub><sup>+</sup> dự báo tại hầu hết các vị trí đều vượt ngưỡng cho phép của cột A1 và có nhiều vị trí còn vượt ngưỡng cho phép của cột B1 theo QCVN08. Với giá trị dự báo của các thông số trên, nguồn nước khu vực TGLX trong tuần tới vẫn đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp của người dân.




#### **IV. Nguồn tài liệu tham khảo**




- [1]. Bảng tin dự báo thủy văn ngắn hạn số 124/DBQG\_TV\_1030 ngày 04/05/2022 của trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia - Tổng cục Khí tượng Thủy văn.
- [2]. <https://baoangiang.com.vn/>
- [3]. Thông báo số 335/SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 17/3/2022 của Sở NN&PTNT tỉnh Kiên Giang về việc hướng dẫn lịch gieo sạ vụ lúa Hè Thu 2022.
- [4]. Thông báo số 268/TB-SNNPTNT ngày 17/12/2021 của Sở NN&PTNT tỉnh Kiên Giang về lịch thời vụ thả giống tôm nước lợ năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.









## PHỤ LỤC 1

**Bảng vị trí các trạm và thông tin tại thời điểm quan trắc trong vùng dự án Tứ Giác Long Xuyên**


TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc	Đặc điểm lấy mẫu	Tình hình sản xuất	Hình ảnh thực địa
1	LX1	Đầu kênh Cái Sắn phía sông Hậu.	105°28'41.14"E 10°18'41.33"N	Trời nắng, gió nhẹ. Nước ròng, và đang chảy ra hướng biển. Nước đục vàng, không mùi, ít lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư đông đúc, gần chợ Cái Sắn. Giao thông thủy tập nập.	Khu vực này có nơi đã xuống giống vụ Hè Thu khoảng nửa tháng, có nơi đang chuẩn bị gieo.	
2	LX2	Đầu kênh Vĩnh Tế từ sông Hậu vào	105°6'3.75"E 10°42'38.85"N	Trời mát, gió nhẹ. Nước đang lớn, đang chảy từ sông Hậu vào kênh Vĩnh Tế. Nước khá trong, không mùi, khá nhiều lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư đông và tập trung dọc hai bên bờ kênh. Ngoài sông Hậu cách tầm 500m có các bè cá lồng. Giao thông thủy tập nập.	Khu vực này có nơi đã xuống giống vụ Hè Thu, có nơi đang chuẩn bị gieo.	
3	LX3	Giao của kênh Ba Thê và kênh Ba Thê mới	105° 8'1.29"E 10°15'57.31"N	Trời nắng. Nước ròng, nước chảy ra hướng biển. Nước màu vàng đục, không mùi. Nhiều lục bình trên kênh, có nhiều cá con. Xung quanh dân cư trung bình, gần đó có chợ. Mật độ giao thông thủy ở mức thường xuyên.	Đã xuống giống vụ Hè Thu khoảng 20 ngày.	

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc	Đặc điểm lấy mẫu	Tình hình sản xuất	Hình ảnh thực địa
4	LX4	Giao của kênh Tri Tôn, Trà Sư và Mạc Cần Dung	105° 3'25.96"E 10°26'17.91"N	Trời nắng. Nước ròng. Nước màu vàng đục, không mùi. Khả hiệu lực bình trên kênh. Mật độ dân cư trung bình. Mật độ giao thông thủy thường xuyên (ngay bên đò).	Đã xuống giống vụ Hè Thu được khoảng nửa tháng đến 1 tháng. Một số nơi vừa xuống giống.	
5	LX5	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh T5	104°52'16.00"E 10°30'31.22"N	Trời nắng, gió nhẹ. Nước lớn. Nước màu vàng đục, không mùi. Có nhiều lục bình trên kênh. Mật độ dân cư trung bình. Mật độ giao thông thủy trung bình.	Đã xuống giống vụ Hè Thu được hơn 1 tháng. Một số nơi đang chuẩn bị xuống giống.	
6	LX6	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh Hà Giang	104°38'40.77"E 10°31'31.02"N	Trời nắng, gió nhẹ. Nước lớn và đang chảy vào nội đồng. Nước màu vàng đục, không mùi. Có khá nhiều lục bình trên kênh. Mật độ dân cư trung bình. Mật độ giao thông thủy trung bình. Cống Hà Giang đóng để ngăn mặn giữ ngọt.	Đang chuẩn bị xuống giống vụ Hè Thu.	

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc	Đặc điểm lấy mẫu	Tình hình sản xuất	Hình ảnh thực địa
7	LX7	Tp. Rạch Giá, cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên	105°5'32.33"E 10°1'5.15"N	Trời nắng, gió nhẹ. Nước lớn, đang chảy vào nội đồng. Nước màu đục vàng, không mùi. Có nhiều lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư dày đặc. Mật độ giao thông thủy thường xuyên vì ngay bên phà và chợ.	Phía Bắc kênh Rạch Giá – Hà Tiên đã xuống giống vụ Hè Thu. Phía Nam của kênh đang chuẩn bị xuống giống.	
8	LX8	Giao giữa kênh Tri Tôn và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên.	104°55'31.97"E 10°11'21.77"N	Trời nắng, gió nhẹ. Nước lớn, nước chảy hướng vào nội đồng. Nước màu vàng đục, không mùi. Lục bình trên kênh tương đối. Xung quanh dân cư dày đặc. Mật độ giao thông thủy thường xuyên.	Phía Bắc kênh Rạch Giá – Hà Tiên hướng theo kênh Tri Tôn về phía sông Hậu đã xuống giống vụ Hè Thu khoảng 20 ngày. Phía Nam của kênh đang chuẩn bị xuống giống.	
9	LX9	Giao giữa kênh T5 và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên.	104°44'29.80"E 10°17'5.24"N	Trời nắng, nhiều mây, gió nhẹ. Nước lớn, nước chảy hướng vào nội đồng. Nước màu vàng xanh đục, không mùi. Khá nhiều lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư trung bình. Mật độ giao thông thủy thường xuyên. Những ngày gần đây có mưa khá lớn.	Phía Bắc kênh Rạch Giá – Hà Tiên dọc theo kênh T5 hướng về phía sông Hậu đã xuống giống vụ Hè Thu. Phía Nam của kênh đang chuẩn bị xuống giống.	

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc	Đặc điểm lấy mẫu	Tình hình sản xuất	Hình ảnh thực địa
10	LX10	Giao giữa kênh Hà Giang và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên. (Cầu Hà Giang)	104°31'19.46"E 10°22'6.37"N	Trời nắng, gió nhẹ. Nước ròng, nước chảy từ ra hướng biển. Nước màu xanh vàng đục, không mùi. Không có bèo lục bình. Khu vực này dân cư trung bình. Xung quanh có nhiều hộ dân nuôi tôm thâm canh và quảng canh. Gần điểm thu mẫu có bãi cát đá, vật liệu xây dựng. Mật độ giao thông thủy trung bình.	Tại đây chủ yếu nuôi tôm sú. Tôm đang nuôi.	
11	LX11	Giao giữa kênh Ba Thê Mới và Kênh Rạch Giá Long Xuyên	105°15'40.55"E 10°15'35.66"N	Trời nắng. Nước ròng, nước chảy ra hướng biển. Nước vàng đục, không mùi. Rất ít lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư dày đặc. Mật độ giao thông thủy thường xuyên.	Khu vực này đã xuống giống vụ Hè Thu khoảng 10 ngày đến nửa tháng.	
12	LX12	Giao của kênh Tám Ngàn và kênh ranh An Giang-Kiên Giang	104°51'52.26"E 10°21'20.56"N	Trời nắng. Nước lớn, nước chảy hướng vào nội đồng. Nước đục vàng, không mùi. Lục bình rải rác trên kênh. Xung quanh dân cư trung bình. Mật độ giao thông thủy thường xuyên.	Khu vực này đã xuống giống vụ Hè Thu khoảng 10 ngày đến hơn 1 tháng.	



TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc	Đặc điểm lấy mẫu	Tình hình sản xuất	Hình ảnh thực địa
13	LX13	Đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên từ sông Hậu vào	105°24'42.59"E 10°22'17.38"N	Trời nắng to. Nước ròng, nước hướng ra biển. Nước màu vàng đục, không mùi. Khá nhiều lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư dày đặc. Mật độ giao thông thủy thường xuyên (bến đò). Vài hôm nay có mưa khá lớn.	Khu vực này đã xuống giống vụ Hè Thu khoảng nửa tháng. Có nơi đang chuẩn bị xuống giống.	
14	LX14	Đầu kênh Vĩnh Tre phía sông Hậu	105°12'34.21"E 10°37'5.00"N	Trời nắng. Nước ròng, nước chảy ra hướng biển. Nước màu vàng đục, không mùi. Rất ít lục bình trên kênh. Xung quanh dân cư dày đặc. Mật độ giao thông thủy thường xuyên.	Khu vực này đã xuống giống vụ Hè Thu khoảng nửa tháng.	